

59. Đi xe đạp

1. Tán đạp xe đạp về phía làng Thanh-thủy, một buổi trưa mùa thu. Đường đi khúc-khủy chạy dọc theo mé sông An-cự và vượt qua nhiều đầm ruộng sản xanh tươi. Gió thổi đều đều trong ngọn cây và rung nhẹ những tia nắng nhạt. Tán ưỡn ngực thở dài và như cảm thấy máu chạy đều hơn trước.
2. Thỉnh-thoảng thấy lạch con xa xa xé ngang đường. Tán vội-vàng nhảy xuống xe. Lạch này do mấy người vùng quê đào ra để đạp nước vào ruộng cho dễ. Cừ đi một quãng đường ngắn, Tán lại phải hấp-tấp nhảy xuống để xách xe bước qua lạch.
3. Có lúc Tán phải đạp xe dưới giàn bí trồng giữa đường như lạc vào sân nhà ai. Lúc đi qua xong, Tán có ngay cái cảm-giác như vừa lái xe đi qua hầm. Ra khỏi tán lá xanh um và mát của giàn bí, Tán liền cố sức đạp thật nhanh cho có vẻ như con tàu đang chạy.

Theo THANH-TĨNH

Phát-âm : Khúc-khủy — vượt — giàn — bông — quãng.

Giải-nghĩa :

Khúc-khủy : cong-queo, không thẳng.

Xé : đào ngang đường đi.

Đạp nước : dùng chân để quay cái máy bằng gỗ lấy nước vào ruộng.

Giàn : cái phên thưa bắc cao để cho dây leo leo lên.

Lạc : đi lằm đường.

Phân đoạn :

1.— Tán đạp xe đạp trên bờ sông.

2.— Tán xách xe qua lạch.

3.— Xe lườn qua giàn bí.

Đặt-ý : Tán đạp xe đạp về phía làng Thanh-thủy, lúc xách xe qua lạch, lúc lườn dưới giàn bí xanh um.

Câu hỏi : Ý-tưởng.— Tán đạp xe đi đâu ? Đường đi thế-nào ? Tại sao thỉnh-thoảng Tán phải vội nhảy xuống xe ? Khi đạp xe dưới giàn bí, Tán có cảm-giác gì ?

Lời văn.— Tìm tiếng phân-nghĩa với « khúc-khủy », « Vội vàng » và « hấp tấp » khác nhau thế nào ? « Tán lá xanh », tại sao gọi là « tán lá » ? « Con tàu đang chạy », con tàu đây là tàu gì ?



60. Trở về quê cũ

Sung-sướng quá, tôi trở về quê cũ,
Ngó cánh đồng thẳng tắp lúa mênh-mông.
Tình quê-hương thơm ngát đằm say lòng,
Khoai, bắp, đậu uốn mình trong cánh gió.
Về quê nội, tôi thấy lòng gắn bó,
Tình yêu thương rộng mở hết tâm-hồn.
Khấp cánh đồng sóng lúa tỏa hương thơm,
Lâm thắm lại mới tình thương bất-diệt.
Về quê nội gặp người chung máu huyết,
Đầy niềm vui tôi biết lấy chi cân.

DUY-SIÊNG



Phát-âm :

Sung-sướng — say — thay — diệt.

Giải-nghĩa :

Lòng gắn bó : tình thân yêu khăng-khít.

Bất-diệt : không bao giờ mất.

Chung máu huyết : cùng một dòng họ.

Lấy chi cân : lấy gì mà đo, mà so sánh được.

Đại-ý : Khi được trở về quê nội, cậu bé rất sung-sướng và cảm-động gặp lại cảnh cũ, người thân yêu.

Câu hỏi : Ý-tưởng.— Khi cậu bé trở về quê, cậu thấy ngoài đồng có gì ?

Cậu thấy nơi quê còn trồng những hoa màu gì nữa ?

Về quê nội, cậu thấy lòng thế nào ?

Tại sao ?

Lời văn.— « Ngó cánh đồng » thay tiếng « ngó » bằng tiếng khác.
« Khoai bắp, đậu uốn mình trong cánh gió », « uốn mình »
đây ý nói gì ?

« Lấy chi cân » nghĩa là gì ?

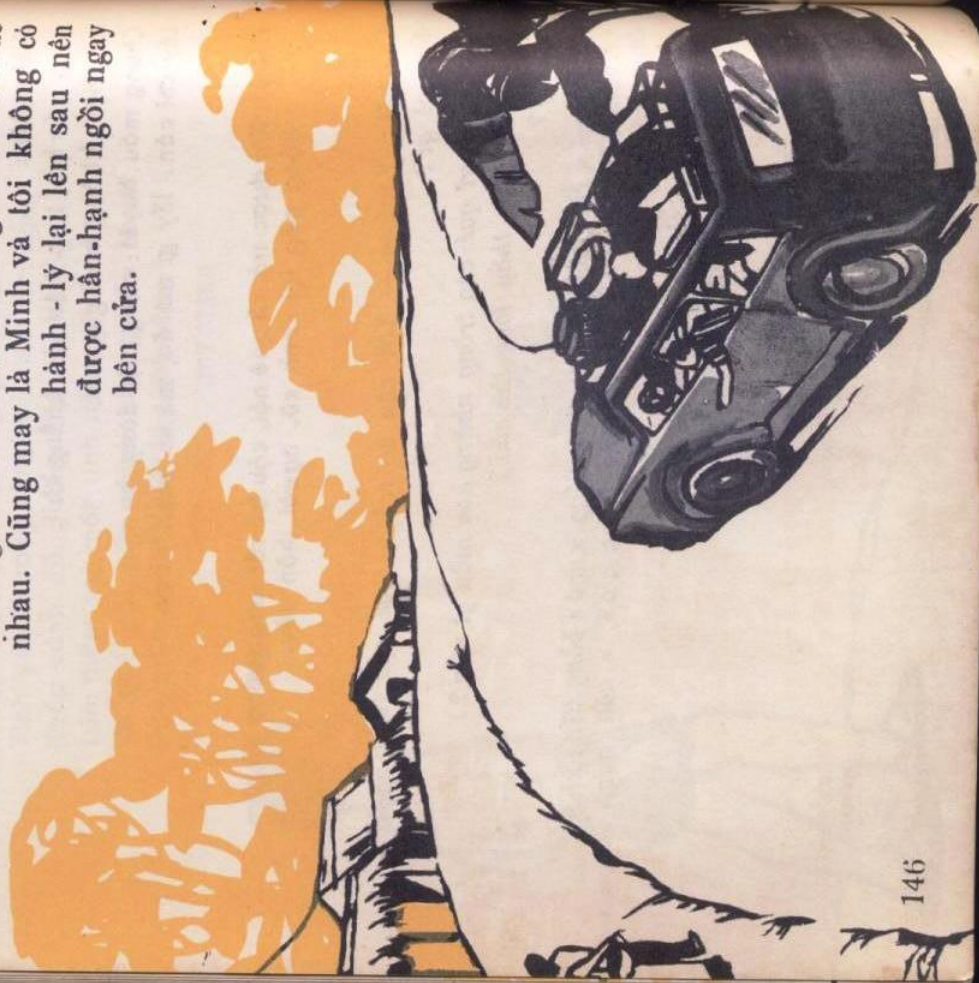
« Tim tiếng đồng-nghĩa với tiếng « cân ».

61. Chuyến xe ló

1. Chuyến xe ấy khởi-hành từ Sài-gòn lúc ánh nắng vừa chớm ủa những vòm cây.
Chiếc xe rời đại-lộ, ngoẹo vào một đường cây hẹp và cao.

2. Cáp! Bà-rịa! Cáp! Bà-rịa!

Người phụ lái nhoi hẳn đầu ra ngoài cửa xe la lớn với mấy người đi đường. Lúc ấy đề ý tôi mới hay rằng khoang dưới vừa vắn tám người chen chúc nhau. Cũng may là Minh và tôi không có hành - lý lại lên sau nên được hân-hạnh ngồi ngay bên cửa.



Một bà hành-khách gỡ cái khăn bông quấn đầu xuống, vuốt lại mái tóc. Hai người đàn ông khác loay hoay thu xếp hành-ly ở dưới chân.

3. Chiếc xe của chúng tôi lướt đều trên đường nhựa. Nắng đã lên cao, ánh sáng tỏa rộng đồng què, khi mát ban mai còn rớt từng đợt hỗn-loạn trong gió.

Những quang đường quanh-co. Chiếc cầu sắt rung âm âm dưới bánh xe. Những-tiếng não-động của người và xe-cộ. Chiếc xe của chúng tôi đi chậm lại.

(NGƯỜI SÔNG THƯỢNG)

Phát-âm : Vòm cây — khoáng — loay-hoay.

Giải-nghĩa :

Chóm : bắt đầu.

Úa : sắc vàng không được tươi.

Vòm cây : nói những cành cây giao nhau thành cái mái uốn khum khum.

Khoang : khoáng xe ở phía sau chỗ tài-xế ngồi.

Hành-ly : đồ dùng đem theo khi đi xa.

Đợt gió hỗn-loạn : nói những làn gió thổi lung-tung không theo hẳn một chiều nào.

Phân đoạn :

1. — Xe ló tách bến.

2. — Cảnh hành-khách ngồi chen-chúc trên xe.

3. — Xe lướt đều trên đường nhựa.

Đại-ý :

Chiếc xe ló Sài-gòn — Vũng-tàu chờ đầy hành-khách và lướt đều trên đường nhựa, giữa cảnh đồng mát-mê lúc ban mai.

Câu hỏi : Ý-tưởng. — *Chuyến xe rời Sài-gòn vào lúc nào? Người phụ lái làm thế nào để mới khách đi xe? Trong xe, ở khoang dưới có bao nhiêu người? Tại sao một bà hành-khách lại gỡ khăn quấn đầu xuống?*

Lời văn. — « Vừa chớm ủa những vòm cây », « chớm ủa » nghĩa là gì? « Ngoẹo vào », tìm tiếng đồng-ngĩa với tiếng « ngoẹo ». Thêm chủ-từ và động-từ cho câu : « những tiếng não-động của người và xe-cộ ».

62. Chuyến tàu sớm

1. Trời rạng dần. Những hành-khách ra đợi tàu mỗi lúc một đông. Sau một tiếng còi rúc dài, một nhân-viên sở Hỏa-xa từ trong phòng giấy bước ra, tay xách chiếc đèn bão. Đứng cạnh đường tàu, người ấy cầm đèn đưa qua đưa lại, để ra hiệu cho đoàn tàu từ phía xa dồn lại.
2. Các hành-khách nhao-nhao sửa-soạn lên tàu. Khi đoàn tàu vừa dừng bánh, họ tít-tít chen nhau lên và chỉ thông-thả dọn dẹp chỗ ngồi khi thấy số hành-khách ra sớm ấy ngồi chưa chật hết được một bên dãy ghế trong hai toa...



3. Họ vội-vàng hấp-tấp như vậy cũng không có gì lạ cả, vì họ đã từng gặp nhiều chuyến tàu chật-chội quá, người đứng nôm nhau không còn có chỗ nào mà lách chân, trong khi ở dưới ga hãy còn bao nhiêu là hành-khách nữa đang ngóng-ngóng chen lên...

PHẠM CAO-CÙNG

(Đám cưới Kỳ-Phát)

Phát-âm : Bão — nhao-nhao — tít-tít — toa.

Giải-nghĩa : Rạng : hé sáng, sáng ra.

Hành-khách : khách đi tàu, đi xe.

Rúc : kêu từng hồi dài.

Dừng bñnh : nói xe dừng lại không đi nữa.

Toa : thứ xe ở trong đoàn xe lửa để chở khách hay chở hàng.

Phân đoạn :

1. — Nhân-viên sở Hỏa-xa ra hiệu cho đoàn tàu dừng lại ở sân ga.
2. — Hành-khách lên tàu và tìm chỗ ngồi.
3. — Nguyên-nhân khiến cho họ phải vội-vàng tìm chỗ ngồi.

Đại-ý :

Chuyến tàu sớm tới ga, các hành-khách chen nhau lên tàu để tìm chỗ ngồi.

Câu hỏi : Ý-tưởng. — Nghe tiếng còi tàu, một nhân-viên hỏa-xa ra làm gì ? Các hành-khách nhao nhao làm gì ? Tại sao họ phải vội-và như thế ? Họ đã gặp những chuyến tàu chật-chội như thế nào ?

Lời văn. — « Rạng dần », tìm một tiếng khác thay cho tiếng « rạng ». Phân-nghĩa với « chật-chội » là gì ? « Lách » và « chen khác nhau thế nào ? Cầu nào trong đoạn cuối tả cảnh tàu đông hành-khách ?

63. Giao-thông trên địa-cầu

Địa-cầu đất rộng thênh-thang,
Biển sâu thăm-thẳm, núi ngàn ở quanh.
Sông dài nối tiếp rừng xanh,
Đồng quê thẳng tắp, thị-thành phồn-hoa.
Này xe lửa ghé từng ga,
Kìa tàu vượt biển thông-thương,
Phi-cơ lướt gió bay sang nước ngoài.
Con người rút lại thành đôi cánh chim trời,
Xe-xăm rút lại thành đôi bước đường.
Người dù ở khắp bốn phương,
Giao-thông nối chặt tình thương mến nồng.

LỜI CHIM NON



Phát-âm : Quanh — vượt — rút — chặt — mến.

Giải-nghĩa : Phồn-hoa : chốn náo-nhiệt, xa-xỉ.

Ga : trạm xe lửa.

Thông-thương : nói nước này buôn bán với nước khác.
Đôi bước đường : hai, vài bước đường, ý nói quãng đường ngắn.

Tình thương : đây là tình thân-ái giữa các dân-tộc.

Đại-ý : Các nước trên địa-cầu ở cách xa nhau, nhưng nhờ phương-tiện giao-thông nhanh chóng, người các nước giao-dịch với nhau được dễ-dàng và gây nên tình thân-ái giữa các dân-tộc.

Câu hỏi : Ý-lường. — Trên địa-cầu ta thấy những miền nào ?

Các miền trong nước giao-thông với nhau bằng gì ?

Các quốc-gia giao-thông với nhau bằng gì ?

Nhờ sự giao-thông mà các quốc-gia gây được tình gì ?

Lời văn. — Tiếng « quanh » trong câu thứ hai nghĩa là gì ?

Tiếng « ga » do tiếng nước nào mà ra ?

Thành-ngữ nào được dùng để tả việc đi-chuyển nhanh chóng của người ta ?

Câu cuối bài ý nói gì ?

Con cáo ranh-mãnh

Trời mùa đông rét như cắt.

Nằm trong hang, con cáo lo ngại vì quanh mình không còn một chút thức ăn nào cả. Thật là nguy!

Cáo thừ người ra nghĩ mưu kế. Chả lẽ mang tiếng là một kẻ lăm mưu nhiều kế mà lại ngồi bó tay chịu chết đói hay sao. Chợt mắt Cáo sáng lên, nó nghĩ đến những chuyến đi về thường ngày của hai người lái cá, giờ này chắc cũng sắp chờ cá qua khu rừng này l.. Nó vội ra khỏi hang.

Mấy phút sau, Cáo đã ngồi thu hình gọn gọn sau một bụi cây rậm-rạp. Nó sốt ruột vô cùng, mấy lần nó định bỏ đi nhưng cơn đói lại nổi lên khiến nó phải nán lại.

Từ xa, một chiếc xe bò tiến lại. Cáo mừng rỡ vô cùng, nó biết chắc trên xe ấy có rất nhiều cá và lươn, thêm vào đó là hai người lái nữa. Thật là đúng lúc...

Cáo vội lẩn mình vào vũng nước bùn rồi nằm ra giữa đường. Chiếc xe tiến đến gần cáo — lúc đó như một xác chết — mắt nhắm nghiền, răng nghiền chặt.

Một trong hai người lái buồm gọi bạn :

— Này ! Hình như kia là một con chó hay một con cáo thì phải ?

— Đó là một con cáo ! Ngừng lại ! Xướng mau !

Hai người lái cùng nhảy bổ xuống đường và chạy xô đến chỗ cáo nằm. Một người nói :

— Ít nhất cũng đang giá 3 đồng.

— Không, ít nhất cũng được 5 đồng. Trông kia ! Bộ lông trắng toát. Thật là đẹp ! Thôi đề nó lên phía sau xe đi l... Rồi họ tiếp-tục lên xe.

Trong khi đó, Cáo vội-vàng ngồi nhòm dấy. Nó khê đầy nắp « bồ » cá, lươn và vục môm vào ăn ngấu-nghiến. Rồi nó ngậm vào miệng mấy xâu cá ngon nhất và khoác thêm vào cổ mấy xâu lươn béo: Đoạn nó nhay thật lẹ xuống đường và kêu hai người lái buồm :

— Chào hai ông nhé ! Tôi chỉ mang một ít lươn và cá thoi ! Và tôi đề lại cho hai ông tất cả đấy !

Hai người lái giật mình, kêu lên ngạc nhiên :

—Ồ ! Cáo ! Cáo !

Đã quá muộn, họ nhảy xuống đất đề bắt Cáo, nhưng nó đã có đủ thì giờ đề trốn xa...

VAN-YEN

(Phỏng theo « Le roman de Renard »)

Đại-ý : Những kẻ có tính tham, kẻ người ta đem chút lợi đến dù, là mác mưu-liên.



64. Đi máy bay

1. Phi-công vận máy. Hai động-cơ rung chuyển và gầm thét dữ-dội quay tít cả hai chong chóng. Máy bay vọt tới và từ từ cất lên khỏi mặt đất, rồi cứ bỗng mãi lên trời.

2. Lúc đầu, càng lên cao, trông xuống đất lại càng thấy rõ từng li từng tí. Con sông trông chỉ bằng cái dải trắng, làng An-nhon chẳng khác một đám túp ti hon, người tựa kiến bò.

Lên càng cao, gió càng lạnh. Rồi thấy rét, ấy là chúng tôi đã lên tới tầng mây. Bây giờ quanh mình toàn những đám trắng như tuyết, khác nào như ở mặt biển có sóng bạc vậy.

3. Để thường chúng tôi lên cao đến hai ngàn thước. Nhưng máy bay vượt qua những đám mây nguy-hiểm ấy, chúng tôi lại trông ngay thấy mặt đất, xa lắm không trông thấy người và nhà cửa nữa, chỉ có thể nhận được dòng nước xanh của sông Đờng-nai, còn những cánh rừng như thê đồng cỏ vậy.

Theo J. M.

(Giáo-dục tập-chí)

Phát âm : Rung chuyển — dữ-dội — vọt — tuyết.

Giải-nghĩa : Phi-công : người cầm lái máy bay.

Động-cơ : máy phát-động, máy chánh làm cho các máy khác chuyển-động.

Túp : nhà tranh nhỏ và thấp.

Tuyết : chất nước ở trên không đọng lại mà rơi xuống, nhẹ và trắng như bông.

Sóng bạc : (sông là gợn nước do gió làm nổi lên) sóng lớn có những bọt nước trắng xóa ở trên đầu.

Phân đoạn :

1.— Máy bay cất cánh.

2.— Cánh vật dưới mắt khi máy bay mới lên cao.

3.— Nhận xét của hành-khách khi máy bay lên thật cao.

Đại-ý : Khi máy bay càng lên cao, hành-khách thấy cảnh vật ở dưới đất càng nhỏ và gió ở trên không càng lạnh.

Câu hỏi : Ý-lường. — Khi phi-công vận máy bay, người ta nghe thấy gì ? Ngồi trên phi-cơ nhìn xuống, hành-khách thấy con sông thế nào ? Làng mạc thế nào ? Khi phi-cơ lên cao, hành-khách thấy khi-hậu ra sao ? Vượt qua đám mây trắng, nhờ cái gì người ta lại nhìn thấy mặt đất ?

Lời vấn. — « Máy bay vọt tới », tiếng « vọt » tả sức bay của phi-cơ thế nào ? Phân-nghĩa với « ti hon » là gì ? Thấy tiếng « tựa » trong « tựa kiến bò » bằng tiếng khác. Tác-giả ví những đám mây trắng như gì ?

65. Tàu cập bến

1. Ở bến, họ trở mắt nhìn con tàu hiện dần, lớn dần, lướt sóng tới gần như một kỹ-quan mà họ được thấy lần đầu. Tàu dài lắm, trông có vẻ hơi hẹp. Nó từ từ tiến lại, oai-vệ với hai ống khói cao lớn, với một phù-hiệu vàng chói lọi.

2. Hành-khách đóng lăm, đứng, ngồi đen nghịt trên « boong ». Đoàn thủy-thủ đều leo cả lên cầu đằng mũi, sự hân hoan lộ ra trên mặt. Từ thành tàu bên trái, sự chiếc cầu treo đã từ từ hạ xuống. Một viên thủy-thủ đương oai-vệ tiến ra với một cuộn thừng trong tay. Đó là vị sự-giả đầu tiên, mở lối cho hàng ngàn hành-khách.

3. Còi tàu bỗng vang lên. Thủy-trưởng giơ tay ra hiệu. Một hồi chuông nổi dậy. Các guồng máy từ từ dừng lại, con tàu quay ít vòng, theo đà mạnh thúc đẩy rồi dừng hẳn lại. Mặt nước sủi bọt, đục ngầu. Chiếc tàu dừng lại trông-tránh rồi yên hẳn.

A. N. dịch.

Phát-âm : Oai-vệ — thủy-thủ — trông-tránh.

Giải-nghĩa : Cập : tới bến, ghé vào bến.

Kỹ-quan : hiện-tượng lạ-lùng.

Phù-hiệu : dấu-biểu để ghi một việc hay một vật gì.

Thủy-thủ : (thủy = nước, thủ = tay) người làm việc trong tàu.

Sự-giả : viên chức của chánh-phủ phải đi có việc gì, đây là người làm một việc quan-trọng.

Trông-tránh : nghiêng đi, nghiêng lại, không cần.

Phân đoạn :

1.— Con tàu tiến đến bến.

2.— Hành-khách và thủy-thủ sửa soạn rộn-rịp lúc tàu sắp cập bến.

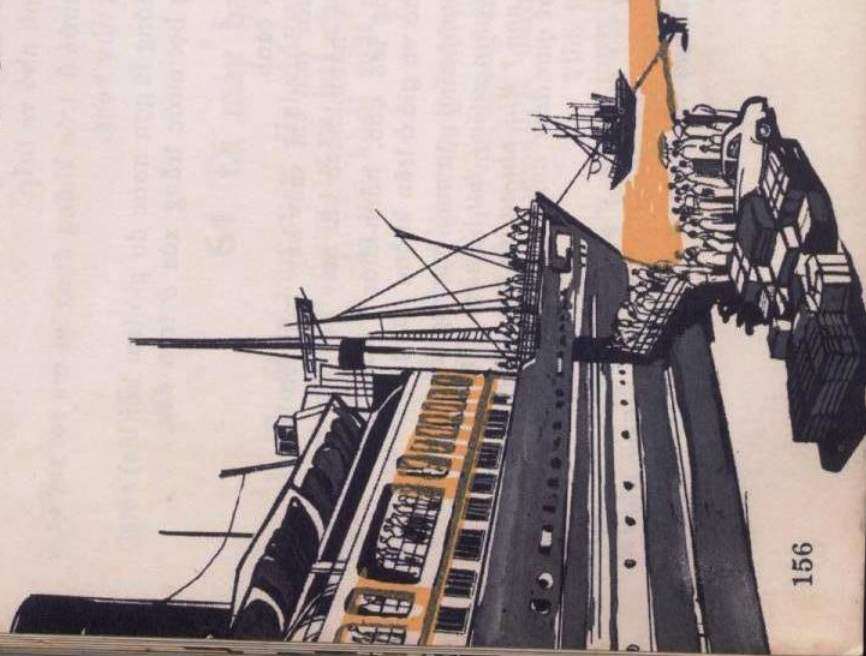
3.— Tàu cập bến và đậu hẳn lại.

Đại-ý :

Khi con tàu cập bến, hành-khách và thủy-thủ đều vui mừng và sửa-soạn lên bờ.

Câu hỏi : Ý-tưởng.— Tại sao người ta trở mắt nhìn con tàu tới gần ?
Cái gì làm cho con tàu có vẻ oai-vệ ? Tại sao mọi người đều tỏ vẻ hân-hoan ? Còi tàu vang lên để làm gì ?

Lời văn.— « Trở mắt nhìn », tiếng « trở mắt » ý nói gì ? « Cầu đằng mũi » là cầu gì ? Tìm những danh-từ chỉ người ở trên tàu. Tìm tiếng đồng-nghĩa với « hân-hoan ».





66. Chung đàn

Chúng em cùng học một trường,
 Bàn chân nhíp bước chung đường tuổi xanh.
 Những vì sao sáng long-lanh,
 Là nguồn hy-vọng trưởng-thành vui-tươi,
 Mỗi thơ luôn điem nụ cười,
 Mất xanh chứa đựng mộng đời hoa-niên.
 Khi chơi, đánh vật, đánh chuyện,
 Nhảy dây, rồng rắn, nói truyền niềm vui.
 Đến khi học, chẳng biếng-lười,
 Cùng nhau cố-gắng mọi người siêng-năng
 Cho đầu gặp việc khó-khăn,
 Chung vui góp sức cầm bằng như không.

KHÁNH-LINH

Phát âm :

Đàn — hy-vọng — dây — chuyên.

Giải-nghĩa :

Long-lanh : sáng lóng-lánh.

Hy-vọng : mong muốn.

Trưởng-thành : lớn khôn.

Hoa-niên : tuổi trẻ.

Đặt-ý :

Tuổi trẻ vui tươi, nhiều hy-vọng, phải chăm-chi và đoàn-kết để vượt mọi khó-khăn.

Câu hỏi : Ý-tưởng. — Người ta ví các em như gì ?

Các em thường chơi những trò chơi gì ?

Khi học các em cố-gắng thế nào ?

Gặp việc khó-khăn, các em làm thế nào ?

Lời văn. — Câu nào tả tuổi trẻ vui tươi ?

Những tiếng nào ở đoạn cuối tả các em chăm học ?

Phản-nghĩa với « khó-khăn » là gì ?

« Chung vui góp sức » nghĩa là gì ?

67. Nhà dây thép Chợ-lớn

1. Năm ở cuối đại-lộ Tông-đốc Phương, nhà dây thép Chợ-lớn hoàn-toàn lọt vào trung-tâm thương-mại sầm-uất nhất vùng Chợ-lớn cũ.

2. Mặt tiền, mặc dù được sửa chữa nhiều lần, vẫn chưa được cải dăng mỹ-quan và tráng-lệ của một công-sở quan-trọng. Chiếc đồng-hồ tròn tặn trên cửa vào, đội lấy hai chữ « Bưu-điện » đó chói, gấn nôi.



Vào cửa, một tấm bình-phong chắn ngang, rẽ khách tạt sang hai bên. Các phòng đều có số thứ-tự. Dưới số này là bảng con có kẻ chữ chỉ phân-sự của mỗi « ghi-sé » bằng ba thứ chữ: Việt, Hoa, Pháp. Đặc-biệt là sát vách hai bên, lù-lù hai bệ xi-măng cao lưng-chừng ngực người. Khách có thể đứng dựa vào đó viết thư thông-thả.

3. Người vào tấp-nập, vội-vàng: họ đến mua tem, gửi thư báo-đám, gửi bưu-phiếu. Kẻ ra thông-thả hay kẻ-kê-gởi bưu-kiện dưới nách.

Theo PHƯỚC THỌ

Phát-âm : Sầm-uất — mỹ-quan — ghi-sé.

Giải-nghĩa : Sầm-uất : nói chỗ núi có cây cối rậm-rạp, nghĩa bóng là đông-đúc.

Mỹ-quan : (mỹ : đẹp, quan : xem) bề ngoài trông đẹp đẽ.
Bình-phong : bức xây bằng gạch hay làm bằng cây đặt ở trước cửa để chắn gió hoặc để che.

Bưu-phiếu : phiếu gửi tiền qua sở bưu-điện.

Bưu-kiện : gói hàng gửi qua sở bưu-điện.

Phân đoạn :

1. — Vị-trí nhà dây thép Chợ-lớn.
2. — Mặt tiền và các phòng bên trong.
3. — Cảnh tấp-nập trong nhà dây thép.

Đại-ý : Nhà Bưu-điện Chợ-lớn tuy không có vẻ mỹ-quan và tráng-lệ như các công-sở khác nhưng rất tiện-lợi cho công chúng vì ở giữa một trung-tâm thương-mại sầm-uất.

Câu hỏi : Ý-tưởng. — Nhà dây thép Chợ-lớn ở đại-lộ nào ? Mặt tiền sở này trông thế nào ? Bức xây vào cửa nhà dây thép người ta thấy gì ? Khách có thể vào đâu để viết ? Người ta đến nhà dây thép để làm gì ?

Lời văn. — « Nhà dây thép » còn gọi là gì ? « Mặt tiền » là gì ? Tìm tiếng phân-nghĩa với « sầm-uất ». « Kẻ-kê » nghĩa là gì ? Làm một câu với tiếng kẻ-kê.

68. Nhận thư

1. Khanh rảo bước ra ty bưu-điện đợi chuyển xe thư ở thủ-đô xuống. Lúc chờ đợi, chàng đứng nói chuyện cùng Bích, phụ-tà cán-sự của ty. Miệng thì nói, mắt chàng chăm-đăm nhìn về nẻo thủ-đô và tai vẫn lắng nghe để nhận ra tiếng còi ô-tô quen thuộc.

2. Mười một giờ. Mấy tiếng còi xe báo hiệu vang lên ở đường xa. Rồi một chiếc ô-tô sơn vàng từ từ tiến lại phía hai chàng. Anh phụ tài-xế trèo lên nóc xe, mở nắp thùng thư và trao cho Bích một túi to trên miệng có gấn xi. Khanh và Bích vào phòng giấy, chàng sốt ruột đứng đợi Bích đập dấu xi trên miệng túi và lòi ra những tập thư cùng báo-chí. Bích vừa đóng dấu bưu-cục và ghi vào sổ xong thì Khanh đã vội hỏi: « Tôi có thư không anh ? » Bích mỉm cười trao cho chàng một phong thư.

3. Khanh nhận thư, cảm ơn bạn rồi bước ra. Trong lòng hồi-hộp, chàng xé phong bì và rút ra một lá thư dài tới bốn trang. Chàng chăm chú đọc từng câu, tất cả mọi người thân mến trong gia-đình như hiện ra trước mặt chàng.

Theo KIM-TUẤN

Phát-âm : Tai — đàng — gấn — cục.

Giải-nghĩa : Phụ-tà : người giúp việc.

Cán-sự : người giữ một việc trong công-sở.

Nóc xe : mui xe.

Sốt ruột : nóng ruột vì chờ đợi một việc gì.

Bưu-cục : sở chuyên việc chuyển-phát thư-từ.

Mỉm cười : cười hơi hé miệng.

Phân đoạn :

- 1.— Khanh nóng lòng đợi xe thư từ thủ-đô xuống.
- 2.— Xe đến, Bích kiểm-nhận các thư-từ rồi tìm thư đưa cho Khanh.
- 3.— Khanh hồi-hộp đọc tin-tức của gia-đình.

Đại-ý : Khanh ra ty bưu-điện đón chuyển xe thư và rất vui mừng khi nhận được tin-tức của gia-đình.

Câu hỏi : Ý-tưởng.— Khanh ra ty bưu-điện để làm gì ? Tại sao vừa nói chuyện, chàng vừa nhìn đăm-đăm về phía thủ-đô ? Khi xe thư đến nơi, người phụ tài-xế làm gì ? Bích kiểm-nhận thư-từ trong thì đưa cho Khanh cái gì ? Tại sao Khanh lại hồi-hộp khi đọc thư nhà ?

Lời văn.— Trong đoạn đầu, những câu nào tả bộ-điệu mong-mỏi của Khanh ? « Tiếng còi ô-tô quen thuộc » nghĩa là gì ? « Phong thư » và « lá thư » khác nhau thế nào ? « Phong bì » còn gọi là gì ?





69. Thư gửi chị

Chị ơi ! mây trắng đến phương nào ?
 Em thấy lòng thương nhớ biết bao,
 Sao mãi không về thăm hở chị ?
 Mùa này trăng đẹp, ngát hương cau.
 Đường đến trường xưa vẫn dịu-dàng,
 Tùng đàn bướm bay lượn thênh-thang.
 Bên sông soan vẫn còn soi bóng,
 Mấy khóm mồng-tơi chị nhớ chẳng ?
 Chị nhớ mai về thăm mẹ nhé !
 Đẻ em đem chiếu giải bên hiên.
 Chị ngồi tựa cửa như ngày trước,
 Kể chuyện xa xưa mắt dịu hiền....

NHẬT LỆ
 (Tuổi xanh)

Phát âm : Ngát — soan — giới — đàn — dịu-dàng.

Giải-nghĩa : Ngát : thơm lắm.

Dịu-dàng : êm đềm, hiền-lành, dễ thương.

Khóm mồng-tơi : bụi cây mồng-tơi.

Hiên : mái hè.

Đặt-ý Nhìn cảnh xưa, tác-giả lợi mong chị trở về xum họp như ngày trước.

Câu hỏi : Ý-tưởng. — Khi thấy đám mây trắng, tác-giả nhớ đến ai ?

Đường đến trường xưa vẫn thế nào ?

Trên đường đó có những gì ?

Tác-giả mong chị về để làm gì ?

Lời vãn. — Phán-nghĩa với « dịu hiền » là gì ?

Tiếng « thênh-thang » tả con bướm bay lượn thế nào ?

Tìm tiếng đồng-nghĩa với tiếng « khóm ».

« Chuyện xa xưa » là chuyện gì ?





70. Du-khách không giấy thông-hành

1. Những con tem hết như những du-khách không giấy thông-hành, đem lá thư đi qua biên-giới mọi quốc-gia.
 2. Bạn gửi một bức thư, dán tem theo giá xừ sở bạn ấn-định, đến bất cứ một miền nào trên thế-giới, bạn có thề yên trí rằng bức thư đó sẽ tới địa-chỉ bạn định gửi.
- Được như vậy, là nhờ ở tổ-chức Liên-hiệp bưu-điện quốc-tế, một tổ-chức thâm niên đã đạt được nhiều kết-quả nhất trong các tổ-chức quốc-tế.

Thư của một quốc-gia hội-viên nào cũng được chuyên-chở không mất tiền phí-tồn qua những quốc-gia hội-viên khác.

Thế nghĩa là bạn mua tem Thái-lan gửi thư đi Đài-loan, sỡ bưu - điện Đài - loan sẽ chuyên - giao thư của bạn như thường trong xừ không lấy thêm cước-phi.

3. Tổ-chức Liên-hiệp bưu-điện quốc-tế với trên 80 năm kinh-nghiệm đã chứng tỏ rằng nếu đoàn-kết với nhau thì có thề giải-quyết được những vấn-đề mà một quốc-gia riêng-rẻ không làm nổi.

T. G. T. D.

Phát-âm : Quốc-gia — dân — giải-quyết — vấn-đề.

Giải-nghĩa : Du-khách : khách đi chơi xa.

Biên-giới : chỗ nước nọ giáp nước kia.

Tổ-chức : sắp đặt một công-cuộc gì.

Kinh-nghiệm : đã trải qua và suy-ngẫm nhiều rồi.

Giải-quyết : tìm cách để làm cho xong một việc gì.

Vấn-đề : một việc, một điều gì cần phải giải-quyết.

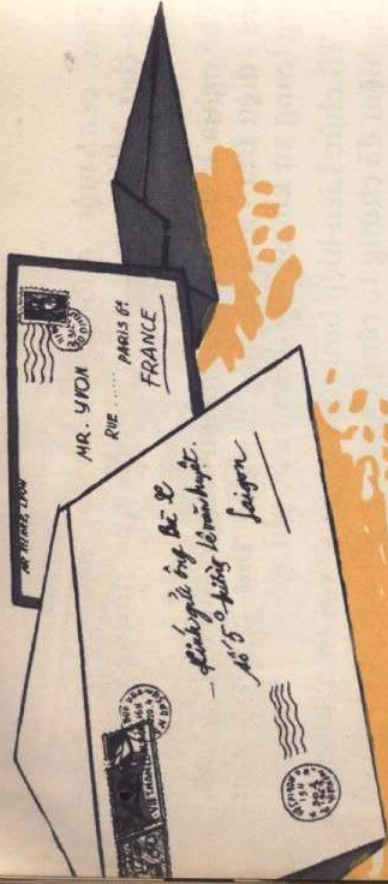
Phân đoạn :

- 1.— Con tem được ví như du-khách không giấy thông-hành.
- 2.— Ích lợi của tổ chức Liên-hiệp bưu-điện quốc-tế.
- 3.— Sự đoàn-kết rất cần cho mọi vấn-đề quốc-tế.

Đại-ý : Tổ-chức bưu-điện quốc-tế giúp việc chuyên-chở các thư-lữ giữa các quốc-gia hội-viên không mất thêm cước-phi.

Câu hỏi : Ý-tưởng.— Người ta vì cái gì như những du-khách không giấy thông-hành ? Nhờ tổ-chức nào, thư-từ của ta có thề gửi đi các nước trong thế-giới tự-do ? Tổ-chức này ấn-định việc chuyên-chở thư-từ như thế nào ? Tổ-chức Liên-hiệp bưu-điện quốc-tế đã chứng tỏ được điều gì ?

Lời văn.— « Hết như » nghĩa là gì ? « Biên-giới » còn gọi là gì ? Kể những danh-từ riêng trong bài. Tìm mấy tiếng ghép với tiếng « du » như « du-khách ».



71. Ai đặt ra tem gửi thư ?

1. Ngày xưa ở nước Anh, muốn gửi thư, người ta phải mua những phong-bì có dấu hiệu sẵn của sở bưu-chính và phải trả nhiều tiền hay ít tùy theo thư gửi xa hay gần.

2. Thấy có phần bất-tiện, ông Hill đề nghị với chính-phủ nên đặt ra một thứ thuế khác, giá nhất-định và rẻ tiền là chỉ bán những mảnh giấy vuông nhỏ-nhỏ có vẽ hình, bắt buộc cái thư nào cũng phải dán một miếng giấy vuông ấy, tức là con tem bây giờ.

Sáng-kiến của ông Hill được chính-phủ đem thực-hành và thấy rất tiện-lợi. Vì vậy mà chính-phủ thu lợi rất nhiều.

3. Nhưng hồi bấy giờ, những con tem đều in liền một tờ giấy. Mỗi khi xé một cái tem ra phải dùng đến dao, kéo rất phiền-phức. Sau một người Anh khác nghĩ ra cách dùng máy chích những lỗ nhỏ xung quanh con tem để xé cho dễ. Nhờ đó, ta mới có những con tem xinh đẹp gửi thư ngày nay.

Trích Tuần Báo NGÀY NAY

Phát-âm : Vuông — xinh — phiên-phức.

Phiên-âm : Hill : đọc là Hin.

Giải-nghĩa : Đề-nghị : đưa ý kiến ra. xem có được ưng-thuận không.

Thuế : phần tiền phải nộp cho chính phủ để chi về việc công.

Tem : thứ dấu riêng để dán ngoài phong thư hay vào đơn từ, tem thư còn gọi là con cò, con niêm, do tiếng Pháp timbre mà ra.

Phiên-phức : bộn-rộn, mất thời giờ.

Chích : chằm thành những lỗ nhỏ.

Phân đoạn :

1— Cách gửi thư ngày xưa ở nước Anh.

2— Con tem đầu tiên do ông Hill nghĩ ra.

3— Con tem được cải-tiến và hoàn-hảo như ngày nay.

Đại-ý :

Những con tem ta dùng để gửi thư do người Anh nghĩ ra đầu tiên và đã được biến-đổi dần thành những con tem xinh đẹp như ngày nay.

Câu hỏi : Ý-tưởng .— Ngày xưa ở nước Anh muốn gửi thư người ta làm thế nào ? Ai đặt ra tem gửi thư trước tiên ? Sáng-kiến ấy tiện lợi thế nào ? Hồi bấy giờ muốn xé con tem người ta phải làm thế nào ? Bây giờ tại sao ta xé tem được dễ-dàng ?

Lời văn.— Mảnh giấy vuông nhỏ có vẽ hình để dán vào phong thư, ngày nay ta gọi là gì ? Con tem còn gọi là gì ?

« Mỗi khi xé... phải dùng dao kéo », tiếng xé đây có nghĩa là gì ?

72. Lòng yêu nước

Sử xanh còn đậm nét son vàng,
Máu hồng nhuộm thắm huy-hoàng núi sông.
Tình yêu nước hết muôn lòng,
Ngàn năm rạng-rỡ con Rồng, cháu Tiên.
Bao lần vỡ mặt quân Nguyên,
Tan tành cả mộng cuồng-diên bạo-tàn.
Mười năm thu lại giang-san,
Núi Lam hào-kiệt khoe gan anh-hùng.
Tháng-Long in bước Quang-Trung,
Đẹp tan giặc Mãn vang lừng xuân xưa.
Chiến-công kẻ mấy cho vừa ?
Sử xanh tô thắm những mùa vinh-quang.
Bao phen thắng lũ tham-tàn,
Nhờ lòng yêu nước đầy tràn muôn tim.

THỊ-DẠNG ĐIỂM-ÁI

Phát-âm : Huy-hoàng — giang-san — vinh-quang — tràn.

Giải-nghĩa : Sử xanh : sử chép bằng thê tre xanh ngày xưa.

Huy-hoàng : sáng sủa, rực-rỡ.

Bạo-tàn : dữ-tợn, độc-ác.

Hào-kiệt : có tài-trì hơn người.

Chiến-công : công đánh giặc.

Vinh-quang : vẻ-vang, rực-rỡ.

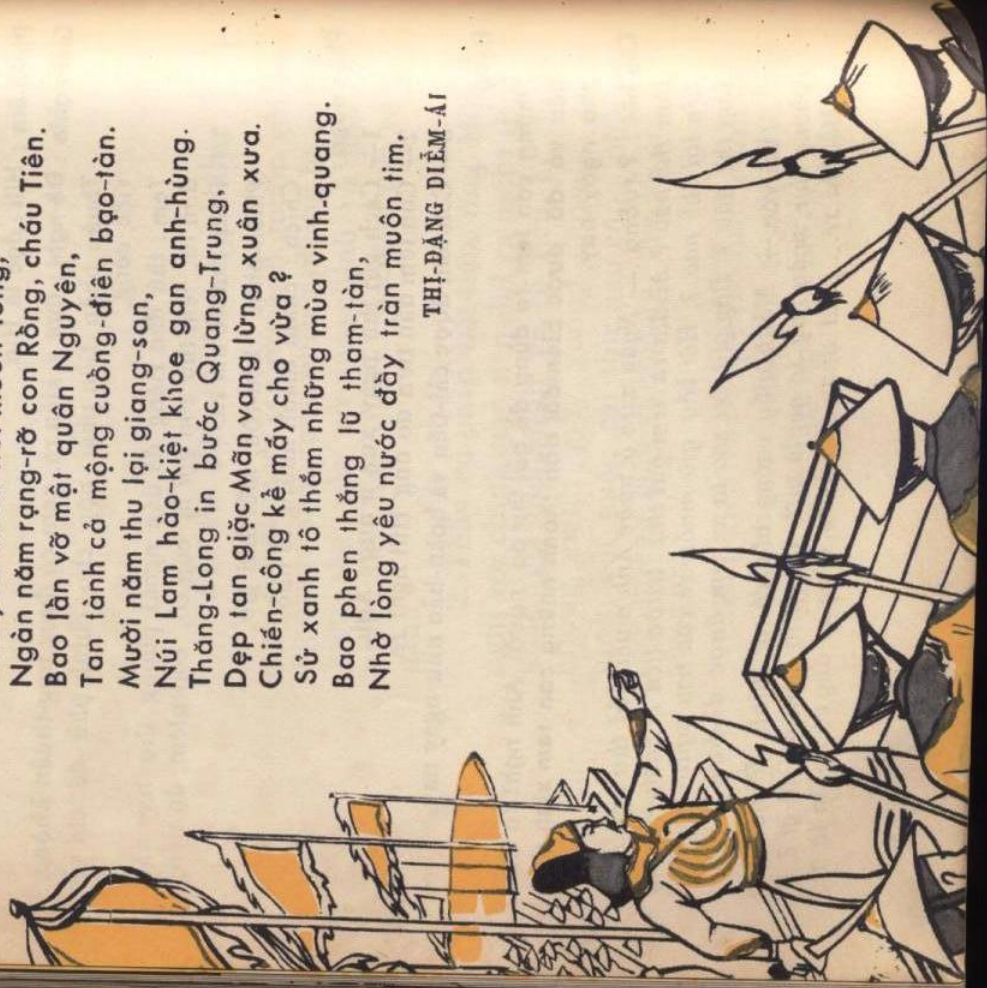
Đại-ý : Nhờ lòng yêu nước của toàn dân, nước ta đã thắng địch bao lần, đem vinh-quang cho Tổ-quốc.

Câu hỏi : Ý-tưởng.— Cái gì đã tô thắm núi sông ?

Ai đã làm vỡ mặt quân Nguyên ?

Nhờ đức-linh nào mà ta thắng được bọn tham-tàn ?

Lời văn.— Tìm những tiếng tả màu sắc ở đoạn đầu.
Tiếng « muôn lòng » tả nhiều người hay ít người ?
Thay tiếng « phen » bằng tiếng khác đồng-ngữ-hĩa.
Người ta đã dùng những tiếng gì ở 2 câu cuối để chỉ quân giặc ?



Chồn và Cọp

Thuở xưa, ở một khu rừng nọ khi thú-vật đều biết nói tiếng người, có một con chồn đi kiếm ăn, vô ý nó trượt chân té xuống hố sâu. Chồn hết sức tréo lên nhưng vô ích, tưởng đã xong đời. May thay có tiếng đi thỉnh-thịch trên mặt đất, chồn nghe rõ mới lo mưu kế, nó lớn tiếng hỏi rằng:

— Ai đi đó ?

Chẳng ngờ là chủ cọp, chồn bèn giả bộ mừng-rỡ, hỏi

— Anh cọp đi đâu đó ? Đi có chuyện chi ?

Cọp ta cúi xuống nói :

— Ta đi kiếm thức ăn đấy. Mà anh mò xuống hố làm chi vậy ?

Chồn ta vờ hi-hửng nói rằng :

— Ủa, vậy chớ anh không nghe gì đó sao ? Người ta đồn rằng mai trời sẽ sập mà ?

Cọp ta liền trả lời :

— Tôi không hay. Có thật như vậy, hay người ta nói bậy, hở ?

— Không thật thì sao ! Bởi vậy tôi mới xuống đây mà núp, kéo rồi chạy không kịp, trời sẽ sập chết uổng mạng. Chẳng qua là chớ tinh-nghia cũ tôi mới nói, chớ không thì ai lo phận nấy, tôi mách làm gì !

— Thôi, vậy thì tôi cũng xuống với anh chớ có bạn, anh vui lòng chử ?

— Ủ, xuống thì xuống.

Cọp ta nhảy xuống, trò chuyện một hồi, rồi anh chồn mới tréo chọc anh cọp hoai. Cọp rầy không được, chồn cứ léo-đẻo quấy luôn, cọp nổi giận hăm hăm bảo :

— Chọc tôi, tôi xách cẳng, ném lên bờ cho trời sập để bẹp ruột bảy giờ.

Chồn không thôi, cọp càng tức, nó lại càng chọc hoai. Cọp hết sức nhịn mà cũng không được mới dọa chồn rằng :

— Rắn mặt, nói không được ta quăng lên đề trời để cho bồ ghét đừng oán nghe !

Chồn mừng bội phần bảo :

— Tôi đổ anh đó, lúc tôi đã tức thì trời tôi cũng chẳng coi ra gì, anh thử liệng tôi lên coi ?

Cọp tức quá găm thét lên :

— Đồ rãnh con, mày nói thế ta căm mày rúc ở đây nữa nhé ! Mày coi đây !

Thế rồi cọp nắm lấy gáy chồn quăng lên mặt đất. Chồn cười ha hả, khỏi vòng nguy khốn, cong đuôi bảo :

— Đồ ngu si, mi sẽ bị giết cho mà coi, mặc dầu sức của mi mạnh hơn ta nhưng tri-khôn của ta gấp bội phần đầu óc ngu tối của mi.

Cọp ta biết mình bị gạt, tức lắm, găm thét lên nghe vang-động cả một khu rừng...

TRẦN-DŨNG

Đại-ý : Khỏe mà không có mưu vẫn thua kẻ yếu nhưng khôn.

73. Bầu trời

1. Một buổi đẹp trời, nếu ta ra nơi quang đãng, như ở giữa cánh đồng, ta thấy đường chân trời chạy chuang quanh ta thành một đường vòng mà chỗ ta đứng là tâm-điểm. Trên đầu ta có một khoảng xanh xanh hình như một cái bát lớn úp lấy ta, đó là bầu trời. Nhưng chính thực chỉ là nửa bầu trời vì bầu trời còn liên-tiếp bao bọc chung quanh trái đất.

2. Trong bầu trời, ban ngày ta nhìn thấy mặt trời, ban đêm thấy trăng và sao. Mặt trời, mặt trăng, các ngôi sao và địa-cầu gọi là tinh-tú. Trên trời có không biết cơ-mau nào là tinh-tú. Người ta ước-lượng có trên mấy ngàn triệu ngôi. Những ngôi sao đó lấp-lánh trên không, bề ngoài trông như bé nhỏ vì cách xa ta quá, nhưng kỳ-thực mỗi ngôi sao đối với trái đất là một con số khổng-lồ.

3. Bầu trời mênh-mông vô-tận, cùng những tinh-tú chuyê-n-vận không ngừng hợp thành vũ-trụ.

MAI-SƠN



Phát-âm : Quang-đăng — ước-lượng — chuyê-n-vận.

Giải-nghĩa : Tâm-điểm : điểm ở giữa vòng tròn. Tinh-tú : gọi chung các ngôi sao. Cơ-mau : nhiều lắm, không đếm hết được. Con số khổng-lồ : ý nói to gấp triệu lần, (mặt trời lớn hơn trái đất 1.300.000 lần, nhiều ngôi sao khác to hơn mặt trời). Chuyê-n-vận : xoay vần, di-động.

Phân đoạn :

1. — Bầu trời.
2. — Tinh-tú.
3. — Vũ-trụ bao-la.

Đại-ý : Vũ-trụ là một khoảng không vô-tận, trong có các tinh-tú chuyê-n-vận không ngừng.

Câu hỏi :

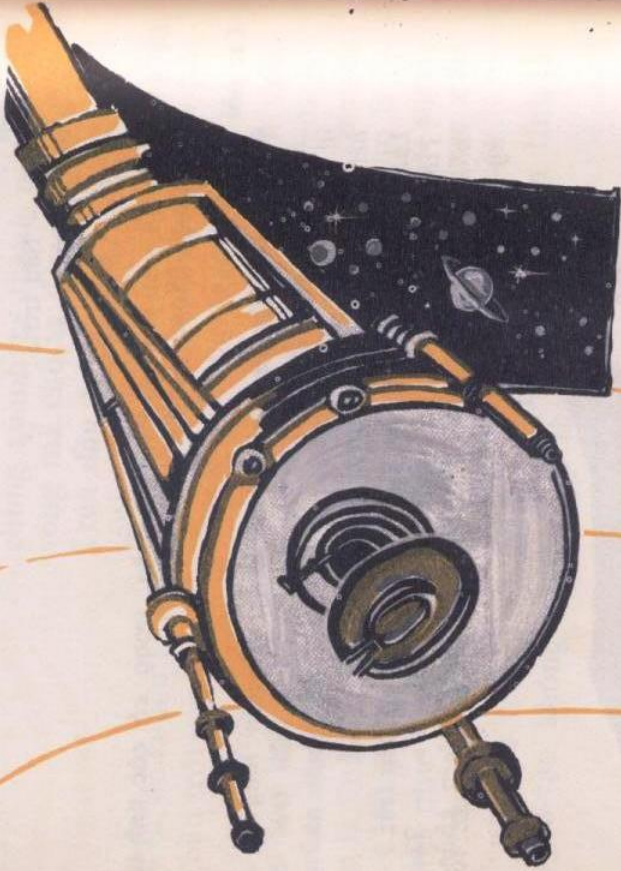
ÿ-luợng. — Khi đứng giữa cánh đồng, ta nhìn thấy gì ở chung quanh ta ? — Ở trên đầu ta ? — Trong bầu trời có gì ? — Tại sao ta nhìn thấy các ngôi sao nhỏ li-ti như những nét chấm ? — Những gì hợp thành vũ-trụ ?

Lời văn. — « Bầu » là gì ? — Tại sao gọi là bầu trời ? — Tìm trong bài tiếng phân-nghĩa với « khổng-lồ ». — Thay những tiếng sau này bằng tiếng đồng-nghĩa ; trên không, kỳ-thực, mênh-mông, vô-tận.



74. Vũ trụ thu nhỏ

1. Ngày nay, nhiều nước trên thế giới đã có những vũ trụ-viện để cho mọi người có thể tìm hiểu về các vì tinh tú và những sự bí-mật lý-kỹ trên trời.
2. Vào trong viện tối-om, người ta sẽ nhìn thấy vòm trời đầy các vì sao sáng với một vầng trăng trắng chẳng khác gì



một vòm trời thật, nhưng chính ra đó chỉ là vòm trời bằng kim-khi. Các khán-giả ngồi chung quanh một cái máy rất lớn. Các máy đó chiếu hình các vì sao lên vòm trời giả.

Các vì tinh-tú quanh năm thay đổi vị-trí, nhưng máy có thể chiếu hình các vì tinh-tú đó theo đúng ngày tháng trong năm. Máy có thể chiếu hình vòm trời ngày hôm nay, tuần vừa qua hoặc trong mấy trăm năm vừa qua. Vị-trí các vì tinh-tú sẽ đúng như thật.

Trong khi chiếu hình, một diễn-viên giảng rành-mạch cho mọi người nghe, dù những người không biết gì về khoa-học cũng có thể hiểu được.

3. Nhìn các vì tinh-tú di-chuyển trên trời, thực là một thú tiêu-khiên rất mê-ly.

Theo T. G. T. Đ.

Phát-âm : Vòm trời — diễn-viên — giảng — máy.

Giải-nghĩa : Vũ-trụ : bầu trời bao-la trong có mặt trời, mặt trăng, trái đất và các vì sao Vũ-trụ-viện : nơi có đặt hình vòm trời giả và các vì sao di-chuyển bằng máy cho mọi người đến xem. Vị-trí : chỗ đứng, chỗ đặt. Diễn-viên : nhân-viên chuyên việc giảng-giải cho mọi người nghe. Tiêu-khiên : giải buồn. Mê-ly : làm cho người ta thích, đắm say.

Phân đoạn :

- 1.— Mục-dịch vũ-trụ-viện.
- 2.— Vòm trời giả và máy chiếu hình các vì tinh-tú.
- 3.— Khán-giả say-mê nhìn các vì tinh-tú di-chuyển.

Đặt-ý : Ngày nay, nhiều nước có vũ-trụ-viện để tìm hiểu về các vì tinh-tú và những bí-mật lý-kỹ trên trời.

Câu hỏi : Ý-tưởng.— Vũ-trụ-viện lập ra để làm gì ? Vòm trời giả làm bằng gì ? Máy chiếu những hình gì trên vòm trời giả ? Trong khi chiếu hình, ai giảng cho các khán-giả nghe ?

Lời văn.— « Viện » là gì ? Tìm mấy tiếng ghép với tiếng « viện » như « vũ-trụ-viện ». Phân-nghĩa với « tối-om » là gì ? Đọc lại đoạn văn tả sự tái-tình của máy chiếu hình. Tìm trong bài tiếng phân-nghĩa với « vòm trời giả ».

75. Luật tạo-hóa

1. Luật tạo-hóa đặt ra bất-dịch,
Khôn đem tài xê-xích mây may,
Hết đêm kể tiếp đến ngày,
Trăng tròn rồi khuyết, sông đầy lại vơi.
2. Nước chảy từ những nơi cao-cá,
Ra biển khơi, biến-hóa thành mây.
Mây bay gió thổi vào đây,
Thành mưa rơi xuống, tưới cây trong rừng.
3. Muôn đóa hoa tung-bùng đua nở,
Muôn côn-trùng hớn-hở sinh-sôi.
Mưa trời nhuận-thấm núi đồi,
Lọc qua cát đá, tuôn ngòi suối trong.

KHAI-HƯNG

Phát-âm : Hóa — may — cát — tuôn.

Giải-nghĩa : Tạo-hóa : (tạo = làm ra, hóa = biến đổi đi) nói Trời sinh ra muôn vật.

Bất-dịch : không đổi được.

Khôn đem : khôn đem, khôn thể đem.

Côn-trùng : gọi chung loài sáu bộ.

Sinh-sôi : sinh-sản này nở ra nhiều.

Nhũn-thấm : tươi ngấm được nhiều nước.

Đại-ý : Theo luật Tạo-hóa, vạn-vật vận-chuyển không ngừng : hết đêm-đến ngày, trăng tròn lại khuyết, nước bốc hơi thành mây, mây hóa mưa thành nước, tuần-hoàn mãi không cùng.

Câu hỏi : Ý-tưởng. — Luật Tạo-hóa xưa nay vẫn thế nào ?

Ban ngày bắt đầu vào lúc nào ?

Đến ngày nào trong tháng thì trăng tròn ?

Khi nào thì nước sông đầy ?

Nước ở trong trời đất tuần-hoàn như thế nào ?

Lời văn. — Lúc hết phần đêm rạng phần ngày gọi là gì ?

Trăng khuyết nhiều và nhọn hai đầu là trăng hình gì ?

Chỗ nước được lọc qua cát đá và chảy ra ngoài gọi là gì ?





76. Cuộc chuyển-vận của các tinh-tú

1. Trong giây phút này, chúng ta cùng với tất cả vũ-trụ đang cuốn đi trong không-gian với một tốc-độ vô cùng nhanh chóng. Nhưng ta chờ đợi tương bao nhiêu vì tinh-tú kia cứ quay-cường hỗn-độn không có tiêu-chuẩn. Trái lại sự chuyển-vận ấy rất nhịp-nhàng và có trật-tự, khiến ta có thể nói được rằng như có một bàn tay vô-hình năng-đỡ và chỉ đường cho những vì sao vô-tri ấy. Đó là đấng Tạo-hóa.
2. Thực vậy, một ông Giám-đốc sở Hỏa-xa phải dùng đến mấy tuần-lễ trọn, để tinh ngày, giờ cho đoàn xe lửa của hãng, ông ta đã thử thật phải nghĩ nát óc, phải tinh thật chu-đáo, xe lửa mới có thể chạy đúng giờ và khỏi húc vào nhau. Thế mà vẫn còn có đoàn xe chạy trễ, vẫn còn xảy ra

tai-nạn bất ngờ. Trái lại, trên không-trung, hãng muốn triệu chuyển xe, lần theo một tốc-độ kinh-khủng, thế mà không một chiếc nào húc phải chiếc nào, không một chiếc nào chạy trễ một phút, một giây. Thực là tuyệt-diệu !

Theo DUY-ANH

Phát-âm : Giây phút — quay-cường — nghĩ — tuyệt-diệu.

Giải-nghĩa : Tiêu-chuẩn : cái nêu và cái thước để làm chững mực, ý nói có mực-độ, có định-luật.

Vô-tri : không cảm biết gì, trơ trơ như gỗ đá.

Tạo-hóa : hóa-công, ông trời.

Không-trung : trong khoảng không.

Tuyệt-diệu : tốt quá, hay quá, giỏi đến thế là cùng.

Phân đoạn :

1. — Sự chuyển-vận nhịp-nhàng và trật-tự của các tinh-tú.
2. — Sự màu-nhiệm của hóa-công vượt hẳn tri-khôn của loài người.

Đại-ý : Sự chuyển-vận của các tinh-tú trên không-trung rất nhịp-nhàng và trật-tự, như có một bàn tay vô-hình và màu-nhiệm năng-đỡ.

Câu hỏi : Ý-tưởng. — Các vì tinh-tú trong không-gian chuyển-vận với một tốc-độ thế nào ?

Những sự chuyển-vận ấy thế nào ?

Tại sao ông Giám-đốc sở Hỏa-xa phải suy-nghĩ, tinh toán thật chu-đáo về giờ chạy ?

Người ta vì các vì tinh-tú trên trời như cái gì ?

Tại sao người ta cho cuộc chuyển-vận của các tinh-tú là tuyệt-diệu ?

Lời văn. — Tìm trong bài tiếng phản-nghĩa với « hỗn-độn ».

« Bàn tay vô hình » đây chỉ ai ?

Thay tiếng « húc » bằng tiếng khác.

Câu nào ở đoạn cuối tả sự chuyển-vận vô cùng nhanh chóng của các vì sao ?



77. Hỏa-diêm-son

1. Từ háng bao nhiêu triệu năm nay, hỏa-diêm-son đã từng biến đổi cục-diện của mặt trái đất.

Hoạt-động của hỏa-diêm-son đã, một lần này hay một lần khác, tạo thành nhiều ngọn núi hùng-vĩ và phun những tro tàn giải trên những khu-vực bao-la, sau trở thành những đất màu phi-nhiều trồng-trọt rất tốt.

2. Ngày nay, hầu hết những núi lửa còn hoạt-động, đều tập-trung trong một vòng đai vĩ-đại bao quanh Thái-Bình-Dương và trong một vòng đai khác nhỏ hẹp hơn chạy dài từ quần-đảo Salomon qua quần-đảo Tân-ghê-nê và In-đô-nê-xi-a. Thật ra, những ngọn hỏa-diêm-son còn phun lửa hiện nay trên thế-giới đều tụ-tập nhiều nhất tại In-đô-nê-xi-a.

3. Những phun-thạch, những luồng lửa và những dòng bùn nóng ở các núi lửa này phun ra đã giết hại háng ngàn sinh-mạng.

Tính chung lại, người ta ước-lượng rằng có tới một triệu người hay hơn nữa đã bị tàn-hại trong vòng 2.000 năm qua vì sự hoạt-động của các hỏa-diêm-son.

Theo Thế-giới Tự-do

Phát-âm : Phun — vòng đai — Salomon — In-đô-nê-xi-a.

Phiên-âm. — Salomon : đọc là Xa-lô-mông (quần-đảo thuộc châu Úc).
In-đô-nê-xi-a : đọc là Anh-đô-nê-xi-a (quần-đảo lớn ở phía nam châu Á).

Giải-nghĩa : Cục-diện : tình-trạng của bề mặt. Khu-vực : một vùng rộng lớn. Hoạt-động : đây là đang phun lửa. Tập-trung : ở cả vào một chỗ. Đai : cái vòng bao quanh một vật gì. Phun-thạch : thứ đá đỏ đỏ núi lửa phun ra rồi rắn lại.

Phân đoạn :

1. — Hỏa-diêm-son biến đổi cục-diện của trái đất.
2. — Nơi tập-trung của những hỏa-diêm-son còn hoạt-động.
3. — Sự tàn-hại của hỏa-diêm-son.

Đại-ý : Hỏa-diêm-son đã từng biến đổi cục-diện của trái đất và tàn-hại tới một triệu sinh-linh trong vòng 2.000 năm qua.

Câu hỏi : Ý-tưởng — Hỏa-diêm-son đã biến đổi mặt trái đất như thế nào ? Ngày nay những núi lửa còn hoạt-động tập-trung ở đâu ? Núi lửa đã gây tai-hại gì cho dân các miền ở quanh núi ? Từ xưa đến giờ, con số người bị tàn-hại ước chừng bao nhiêu ?

Lời văn. — « Hỏa-diêm-son » còn gọi là gì ? « Vòng đai » đây có nghĩa là gì ? Phân-nghĩa với « bao-la » là gì ? Những núi lửa không còn hoạt-động nữa gọi là gì ?

78. Sáng hồng

Hôm qua đồ trận mưa rào,
Mặt trời sợ ướt lần vào trong mây.
Thảo nào mới sáng hôm nay,
Mặt trời mới ló ngọn cây cửa đình.
Gió đùa trong nắng rung-rinh,
Vài con chim hót văng mình lên cao.
Con gà đồ chót cái mào,
Cát dăm tiếng gáy vui chào ánh-dương.
Nắng in nét lá lên tường,
Trên mây muôn hạt kim-cương nháy hoài.
Một con bướm trắng khoan-thai,
Lượn vườn hồng quế, hút vài nhị hoa.
Phòng em ánh nắng chan-hòa.
Một hơi gió nhẹ lên quạ bức rèm.

TRẦN TRUNG-PHƯƠNG

Phát-âm : Mào — gáy — hoài — lượn — chan-hòa.

Giải-nghĩa : Làn : trốn đi.

Ló : mới hiện ra một ít.

Ánh-dương : ánh mặt trời.

Kim-cương : một thứ ngọc quý rắn nhất, còn gọi là hạt xoàn.

Khoan-thai : thông-thả, có vẻ nhân-nhã.

Đại-ý : Mọi vật trở nên vui tươi hoạt-động trong buổi bình-minh.

Câu hỏi : Ý-tưởng. — Khi trời mưa thì mặt trời ở đâu ?

Khi trời tạnh chim và gà làm gì ?

Con bướm thường bay lượn ở đâu ?

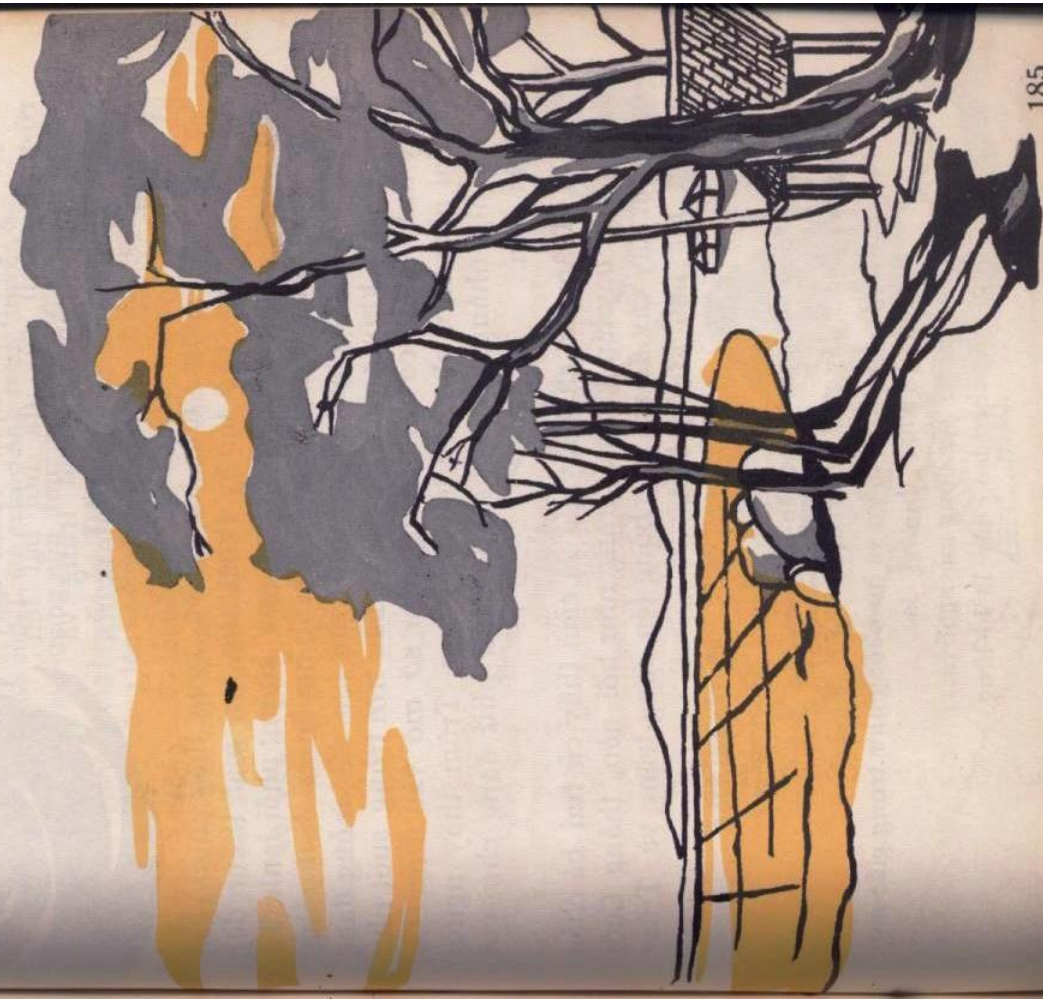
Phòng em có gì chiếu vào ?

Lời văn. — Tìm hai tiếng phản-ngiã nhau ở 4 câu đầu nói mặt trời ẩn và hiện.

Tiếng « chan-hòa » tả ánh nắng chiếu vào thế nào ?

Phản-ngiã với « khoan-thai » là gì ?

Tiếng gì ở đoạn cuối tả gió lần vào trong nhà ?



79. Nhìn trăng

1. Trám xoay người nằm thẳng, đầu gối lên đùi già mắt theo tay già chỉ nhìn lên mặt trăng tim thẳng Cuội. Một lát quả-nhiên Trám thấy rõ-ràng hình cây đa nổi bật lên giữa hình tròn của mặt trăng và dưới cây đa quả có một hình người đội nón.

2. Càng nhìn, mỗi lúc Trám càng thấy mình gần mặt trăng hơn. Gió lúc ấy thoát nhẹ, hơi mát thấm dần vào người Trám như lạnh-lạnh mà không phải lạnh. Từ mặt trăng tỏa ra một thứ ánh sáng huyền-ảo dị-thường. Có lúc Trám thấy giống như một thứ lụa rất mỏng đang vương khắp không-gian. Có lúc cả bầu trời trong suốt như thủy-tinh. Trám có cảm-tưởng như sờ mó vào được. Có lúc lại như khói nhẹ bay tỏa khắp nơi. Trám thấy người mình nhẹ-nhàng, lúc bông, lúc chim như đang chơi-vơi ở giữa trời.

3. Trám ôm chặt lấy già và cảm thấy cả hai bà cháu đang từ từ bay lên gần mặt trăng như hồi nào, thẳng Cuội ôm chặt lấy cây đa mà bay bông lên cung trăng và Trám ngủ đi lúc nào không biết.

NGUYỄN THỊ VINH
(Xóm nghèo)

Phát-âm : Xoay — thoát — huyền-ảo — vương.

Giải-nghĩa : Già : đây gọi là bà nội.

Huyền-ảo : thăm-thăm và hư-không như trong giấc mơ.

Dị-thường : khác thường, lạ.

Cảm-tưởng : xúc-động mà nghĩ ra.

Chơi-vơi : cheo leo, đây là lo-lùng.

Phân đoạn :

- 1.— Do bà chỉ, Trám nhìn thấy hình thẳng Cuội ở trên mặt trăng.
- 2.— Cảm-giác của Trám trước ánh trăng huyền-ảo.
- 3.— Trám mơ-màng như được bay bông lên cung trăng.

Đại-ý : Dưới ánh trăng huyền-ảo, Trám mơ-màng như cả hai bà cháu được bay bông lên không-trung.

Câu hỏi : Ý-tưởng.— Trám nằm ở đâu để nhìn trăng ? Trám thấy rõ hình gì trên mặt trăng ? Trám thấy ánh trăng giống như gì ? Tại sao Trám ôm chặt lấy bà ?

Lời văn.— Đồng-nghĩa với « xoay » là gì ? « Quả-nhiên », quả có nghĩa là gì ? Tìm những câu ở đoạn giữa tả sự huyền-ảo của ánh trăng. Tìm một câu ca-đạo nói về thẳng Cuội.



80. Nhật-thực

1. Mười giờ sáng, mặt trời đang chói lọi bỗng râm tối lại, người ta thấy ánh nắng tự-nhiên vàng ủa.
2. Nhật-thực ! Người ta xón sao bảo nhau. Rồi người lấy bàn tay che mắt cho khỏi chói để nhìn, kẻ đeo kiến râm để ngắm. Nhiều nhà đặt chậu nước đầy trước cửa để xem. Trong đấy chứa, một hình tròn vàng nhạt bị một hình tròn đen nhỏ hơn từ từ ăn lấn vào. Mặt trời cứ bị lẹm dần đi, còn lại như một cái bánh sữa cong, nhọn hoắt hai đầu.

Trong lúc đó, mặt trời chiếu xuống những tia nắng vàng yếu-ớt. Trên mặt đất, bóng lá cây in xuống thành những hình lưới liềm nhỏ xinh xinh như trăm ngàn mảnh trắng khuyết rắc ra. Qua khe cửa, tia nắng rọi vào trong nền nhà cũng thành hình lưới liềm nhỏ, rất lạ.



Một giờ sau, hình đen ға khỏi mặt trời, người ta lại thấy nắng chói và bầu trời sáng sủa như thường.

3. Nhật-thực xảy ra là do mặt trăng xoay qua, nằm ngang giữa trái đất và mặt trời, cản ánh sáng mặt trời chiếu xuống trái đất.

NHƯ-TUYẾT

Phát âm : Hoới — xinh-xón — cón.

Giải-nghĩa : Nhật-thực : khi trái đất, mặt trăng và mặt trời đứng theo một đường thẳng, mặt trăng đứng giữa che khuất mặt trời làm cho ta không nhìn thấy mặt trời trong một hai tiếng đồng-hồ. Hiện-tượng đó gọi là nhật-thực.

Lẹm : vệt đi.

Trờng khuyết : vàng trắng còn thiếu, không tròn.

Rọi : chiếu thẳng.

Cản : ngăn, chắn.

Phân đoạn :

1. — Hiện-tượng trước khi có nhật-thực.
2. — Hiện-tượng trong lúc có nhật-thực.
3. — Nguyên do sinh ra nhật-thực.

Đại-ý : Khi có nhật-thực, trời bỗng râm tối, ánh nắng vàng ủa, sau hai ba tiếng đồng-hồ, trời mới sáng sủa như thường.

Câu hỏi : Ý-tưởng. — Trước khi có nhật-thực người ta thấy gì ? — Khi có nhật-thực, người ta dùng gì để xem cho rõ ? — Người ta thấy mặt trời thế nào ở trong đây châu nước ? — Lúc đó, tia nắng mặt trời thế nào ? — Tại sao có nhật-thực ? Người ta còn gọi « nhật-thực » là gì ?

Lời văn. — « Chối » với « trời » khác nhau thế nào ? Làm câu với mỗi tiếng ấy. Phân nghĩa với « trăng khuyết » là gì ?